

Bản án số: 39/2020/HS-ST
Ngày 20/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Biểu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Ngọc Khải và ông Lê Văn Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

*** Trần Thị B**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn T và bà Ngô Thị Q (đều đã chết); chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Chưa; Bị tạm giữ từ ngày 25/12/2019 đến ngày 31/12/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

*** Người làm chứng:** Anh Trần Huy H, anh Lê Xuân H, anh Phạm Văn T, (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 10 phút ngày 25/12/2019, tại cầu D thuộc xã E, huyện C, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng bắt quả tang Trần Thị B, sinh năm 1965 ở thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, đề cho Trần Huy H, sinh năm 1999 ở xóm G, xã H, huyện I, tỉnh Ninh Bình; Lê Xuân H, sinh năm 1972 ở thôn K, xã N, huyện M và Phạm Văn T, sinh năm 1982 ở thôn O, xã P, huyện Q, thu giữ vật chứng gồm: 01 bảng tổng hợp ghi số lô, số đề ký hiệu A1; 02 bút bi; 10 tờ kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung bên trong có lắp 01 sim

điện thoại; 03 bàn nhựa; 01 ghế nhựa; 02 ghế gỗ và số tiền 11.800.000 đồng. Thu giữ của Trần Huy H 01 tờ cáp lô đề được ký hiệu A2; Lê Xuân H 01 tờ cáp lô đề ký hiệu A3 và Phạm Văn T 01 tờ cáp lô đề ký hiệu A4.

Kết quả điều tra xác định: Lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng vào lúc 18 giờ 15 phút hàng ngày. Từ ngày 20/12/2019, Trần Thị B đã mang bàn ghế ra khu vực cầu D thuộc xã E, huyện C để bán nước và bán các số lô, đề. Hàng ngày sau khi bán các số lô, đề cho khách Trần Thị B giữ lại không chuyển bằng cho ai và tự thanh toán thắng, thua với khách vào ngày hôm sau. Ngày 25/12/2019, Trần Thị B đã ghi bán số lô đề cho khách được tổng số tiền 7.147.000 đồng, gồm: Trần Huy H 922.000 đồng, Lê Xuân H 3.530.000 đồng, Phạm Văn T 1.910.000 đồng và một số khách đi đường không biết tên tuổi, địa chỉ 785.000 đồng.

Hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi bán số lô, số đề của Trần Thị B và các khách chơi cụ thể như sau: Mỗi số đề hoặc số lô là một cặp số tự nhiên gồm 2 chữ số từ 00 đến 99, lô xiên 2 là hai cặp số, ba càng là 3 số tự nhiên; Sau khi có kết quả mở thưởng, so sánh được, thua sẽ thanh toán trả người thắng. Người chơi lô, đề tự qui ước với nhau về cách chơi, cách tính và so sánh trúng hay trượt lô, đề như sau: Đối với số đề người chơi sẽ so sánh các số đã đánh với hai số cuối cùng giải đặc biệt của kết quả xổ số mở thưởng cùng ngày, nếu số đề trùng thì Trần Thị B phải thanh toán trả cho người chơi số tiền gấp 70 lần số tiền mà người chơi đã mua; Đối với lô, so sánh với hai số cuối của 27 giải nếu trùng thì Trần Thị B phải thanh toán trả cho người chơi số tiền 80.000 đồng/1 điểm lô, mỗi điểm lô người chơi phải mua với số tiền 22.500 đồng, nếu có nhiều giải có 2 số cuối trùng thì nhân gấp nhiều lần tương ứng; Đối với lô xiên hai hoặc xiên ba nếu người chơi trúng thì Trần Thị B phải thanh toán trả người chơi số tiền gấp 10 lần số tiền đã mua số lô xiên 2 hoặc số tiền gấp 40 lần số tiền đã bỏ mua số lô xiên 3. Ngoài ra Trần Thị B và những người chơi còn quy ước với nhau một số từ nóng trong việc đánh đề như đầu, đít, kép...với cách tính được thua tương tự như số đề.

Kết luận giám định số 44/PC09 ngày 04/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ viết, chữ số trên các tài liệu ký hiệu A1, A2, A3 do Trần Thị B viết ra.

Quá trình điều tra, Trần Thị B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKS-P2 ngày 16/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Trần Thị B về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Thị B nhận tội, khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị B. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Thị B phạm tội Đánh bạc; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị B từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.147.000 đồng; trả lại cho bị cáo Trần Thị B số tiền 4.653.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; Tịch thu, cho tiêu hủy: 01 chiếc bút bi; 03 bàn nhựa; 01 ghế nhựa; 02 ghế gỗ kiểu ghế băng. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét; vật chứng thu giữ; phù hợp với lời khai của những người làm chứng; phù hợp với kết luận giám định chữ viết, chữ số của bị cáo ghi trên các cáp, băng ghi số lô, số đề. Đã có đủ cơ sở xác định: Với động cơ, mục đích thu lời bất chính, ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại khu vực cầu D, xã E, huyện C, tỉnh Hưng Yên, Trần Thị B đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi bán số lô, số đề với tổng số tiền là 7.147.000 đồng.

Bị cáo Trần Thị B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi đánh bạc với tổng số tiền là 7.147.000 đồng như nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Trần Thị B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, sự bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại

tội phạm khác, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến cuộc sống, hạnh phúc của nhiều gia đình. Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán số lô, đề là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện, do đó cần phải xét xử nghiêm minh, dành cho bị cáo mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo có hai anh trai được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang và Huy chương kháng chiến, bị cáo bị “K” tuyển giáp nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về hình phạt: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo; trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo Trần Thị B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, bản thân bị cáo bị “K” tuyển giáp. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo.

*** Về hình phạt bổ sung:** Bị cáo phạm tội với động cơ vụ lợi, lẽ ra phải phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo bị bệnh nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đối với Trần Huy H, Lê Xuân H và Phạm Văn T dùng số tiền vào việc đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, bản thân chưa có tiền án, tiền sự nên chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã có công văn đề Cơ quan có thẩm quyền để xử lý hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 11.800.000 đồng thu giữ của bị cáo Trần Thị B khi bắt quả tang, xét thấy trong đó có: 7.147.000 đồng là tiền bị cáo B bán số lô, đề cho khách ngày 25/12/2019, đây là tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu để sung vào Ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại là 4.653.000 đồng không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, bên trong có 01 sim thu giữ của bị cáo B, xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc, nên sẽ trả lại cho bị cáo.

- Đối với 02 chiếc bút bi; 03 bàn nhựa; 01 ghế nhựa; 02 ghế gỗ kiểu ghế băng thu giữ của bị cáo B, đều là những vật liên quan đến hành vi đánh bạc nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, cho tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Trần Thị B phạm tội Đánh bạc.

- **Áp dụng:** khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

- **Xử phạt:** Bị cáo Trần Thị B 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/5/2020.

* **Hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị B.

Giao bị cáo Trần Thị B cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.147.000 đồng (*Bảy triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị B số tiền 4.653.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng*); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, bên trong có 01 sim.

- Tịch thu, cho tiêu hủy: 02 chiếc bút bi; 03 bàn nhựa; 01 ghế nhựa có tựa lưng; 02 ghế gỗ kiểu ghế băng.

(Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 23/QĐ-VKS-P2 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

3. Về án phí: Bị cáo Trần Thị B phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Biểu